



# MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN DU LỊCH VÀ QUẢN LÝ DI SẢN VĂN HOÁ Ở ĐÔ THỊ HUẾ: NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐA CHIỀU

Nguyễn Hoàng Khánh Linh<sup>1</sup>, Nguyễn Quang Tân<sup>1,2\*</sup>, Lê Ngọc Phương Quý<sup>3</sup>,  
Nguyễn Ngọc Tùng<sup>4</sup>, Trần Thị Phương<sup>3</sup>, Nguyễn Bích Ngọc<sup>3</sup>,  
Trương Đỗ Minh Phương<sup>3</sup>, Phạm Gia Tùng<sup>1</sup>, Đỗ Thị Việt Hương<sup>4</sup>

<sup>1</sup> Khoa Quốc Tế, Đại học Huế, 1 Điện Biên Phủ, Huế, Việt Nam

<sup>2</sup> Trường Đại học Okayama, 1-1-1 Tsushima-naka, Kita, Okayama, Japan

<sup>3</sup> Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Huế, Việt Nam

<sup>4</sup> Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

\* Tác giả liên hệ: Nguyễn Quang Tân <nguyenquangtan@hueuni.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 18-11-2020; Ngày chấp nhận đăng: 8-1-2021)

**Tóm tắt.** Nghiên cứu áp dụng phương pháp tiếp cận về mối quan hệ giữa quản lý di sản (QLDS) và phát triển du lịch (PTDL) ở thành phố Huế trên cơ sở giả định rằng mối quan hệ này không đơn thuần chỉ là xung đột hay hợp tác, mà nó phức tạp trong thực tế. Dữ liệu được thu thập từ các cuộc phỏng vấn sâu (n = 4), khảo sát trực tuyến (online) (n = 14) và phỏng vấn trực tiếp 90 du khách tại ba điểm du lịch: Hoàng Thành Huế (n = 30), Chùa Thiên Mụ (n = 30) và Lăng Khải Định (n = 30). Kết quả nghiên cứu đã làm rõ được thực tế phức tạp trong mối quan hệ giữa QLDS và PTDL với sáu trạng thái khác nhau. Các nhà quản lý và chuyên gia cho rằng đây là mối quan hệ cùng “chung sống hoà bình” (42,86%), theo sau là “hợp tác một phần” (28,57%). Du khách đánh giá mối quan hệ này ở nhiều trạng thái, trong đó, 25,37% thiên hướng về “cùng tồn tại hoà bình”, tiếp theo sau là 17,91% và 16,92% cho rằng đây là mối quan hệ “xung đột nhiều” và “có xung đột”. Kết quả sẽ là nguồn thông tin tham khảo quan trọng cho các nhà hoạch định chính sách trong việc đưa ra các chiến lược PTDL phù hợp với mối quan hệ năng động này, hướng tới sự phát triển bền vững.

**Từ khoá:** thành phố Huế, đô thị, phát triển du lịch, quản lý di sản

## Relationship between tourism development and cultural heritage management in Hue City: multidimensional perspectives

Nguyen Hoang Khanh Linh<sup>1</sup>, Nguyen Quang Tan,<sup>1,2,\*</sup> Le Ngoc Phuong Quy<sup>2</sup>,  
Nguyen Ngoc Tung<sup>3</sup>, Tran Thi Phuong<sup>2</sup>, Nguyen Bich Ngoc<sup>2</sup>,  
Truong Do Minh Phuong<sup>2</sup>, Pham Gia Tung<sup>1</sup>, Do Thi Viet Huong<sup>4</sup>

<sup>1</sup>International School, Hue University, 1 Dien Bien Phu St., Hue, Vietnam

<sup>2</sup>Okayama University, 1-1-1 Tsushima-naka, Kita, Okayama, Japan

<sup>3</sup>University of Agriculture and Forestry, Hue University, 102 Phung Hung St., Hue, Vietnam

<sup>4</sup>University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue St., Hue, Vietnam

\* Correspondence to Nguyen Quang Tan <nguyenquangtan@hueuni.edu.vn>

(Submitted: November 18, 2020; Accepted: January 8, 2021)

**Abstract.** This study applied the approach method for the relationship between heritage management and tourism development in Hue City by multidimensional perspectives obtained from tourists to managers and experts. We hypothesized that this relationship was not merely a conflict or cooperation but is still more dynamic in reality. Data were collected from in-depth interviews (n = 4), online interviews (n = 14), field observations, and a semi-structured questionnaire survey of 90 visitors at three tourist sites, including Hue Citadel (n = 30), Thien Mu Pagoda (n = 30), and Khai Dinh Tomb (n = 30). The results revealed the dynamic and complicated reality of the relationship between heritage management and tourism development with six different attributes. Accordingly, most managers and experts believed that this relationship was coexisting with a “parallelly independent” state (42.86%), followed by a “parallel symbiosis” (28.57%). The tourists who concerned with cultural heritage values indicated this relationship in diverse states. 25.37% agreed that it could “coexist peacefully”. 17.91 and 16.92% indicated that this relationship was “much conflicting” and “conflicting”. The research results can serve as essential information for managers and policymakers in designing more appropriate strategies for this dynamic relationship, leading to sustainable development.

**Keywords:** Hue City, tourism development, cultural heritage management, sustainable development

### 1 Đặt vấn đề

Kể từ những năm 1990, các thành phố lịch sử và di sản đô thị đã trở thành một trong những trọng tâm của các chính sách di sản toàn cầu. Các Di sản Thế giới (DSTG) đại diện cho những địa điểm di sản văn hóa (DSVH) và tự nhiên quan trọng nhất trên thế giới, cũng là những địa điểm du lịch được ghé thăm nhiều nhất [1]. Đến nay, 1121 địa điểm đã được công nhận là DSTG, bao gồm 869 địa điểm văn hóa, 213 địa điểm tự nhiên và 39 tài sản hỗn hợp [2]. Trong thời gian qua, số lượng khách du lịch đến những khu vực này ngày càng tăng nhanh, đặt ra những thách thức

lớn về bảo tồn di sản và giá trị lịch sử cảnh quan. Tổ chức Du lịch Thế giới tuyên bố rằng gần 40% tổng số chuyến du lịch nước ngoài được thực hiện liên quan đến di sản và văn hóa, tăng ở mức 15% mỗi năm [1]. Tuy nhiên, đối với nhiều cộng đồng địa phương hoặc “chủ nhà” nằm gần các điểm tham quan di sản lớn, sự phát triển như vậy đặt ra nhiều thách thức [4, 5, 7, 10] liên quan đến việc cân bằng các lợi ích về kinh tế với các hậu quả về văn hóa – xã hội, môi trường và di sản do hoạt động du lịch có thể gây ra cho các điểm du lịch văn hoá và di sản ở các đô thị là một bài toán nan giải.

Về mặt lý thuyết, có thể thấy hoạt động bảo tồn, quản lý di sản (QLDS) và phát triển du lịch (PTDL) có mối quan hệ tương hỗ mật thiết. Tuy nhiên, từ thực tiễn hoạt động du lịch dựa trên khai thác di sản trong thời gian qua, dễ nhận thấy để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế, phần thua thiệt thường thuộc về di sản khi công tác bảo tồn “nguồn vốn tự nhiên” này chưa được coi trọng đúng mức [6]. Bằng chứng là để đánh đổi cho những công trình hoành tráng như các khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, hàng trăm nghìn héc-ta rừng đã biến mất, nhiều bãi biển đẹp bị biến dạng, nhiều dãy núi bị tàn phá; cùng với đó là sự biến đổi hệ sinh thái tự nhiên cũng như môi trường văn hóa của cộng đồng dân cư trong khu vực [3, 11, 15]. Một số nghiên cứu cho thấy PTDL và QLDS không tương thích [17, 18, 22] và sự không tương thích này làm xuất hiện mối quan hệ xung đột [6]. Các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực DSVH lập luận rằng các giá trị văn hóa bị xâm hại vì lợi ích thương mại hóa du lịch [12, 13], trong khi các chuyên gia PTDL cảm thấy rằng các giá trị du lịch bị tổn hại khi tồn tại một thái độ quản lý cho rằng bất kỳ “*thương mại hoá du lịch tại bất cứ điểm di sản nào cũng làm ảnh hưởng xấu tới di sản và văn hoá*” [23]. Các lập luận ở trên được đặt ra về tính hợp lý của mối quan hệ phân đôi thể hiện sự tương tác giữa hai lĩnh vực này như là đại diện cho một trong hai cực của mối quan hệ đối tác/xung đột [3].

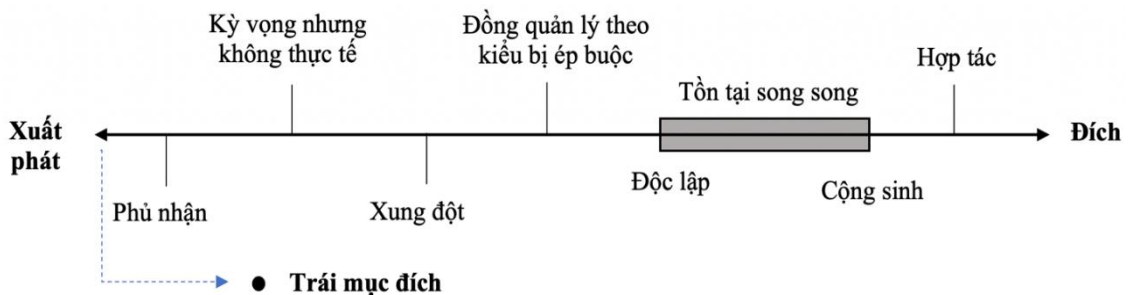
Tuy nhiên, nghiên cứu về mối quan hệ năng động giữa PTDL bền vững của các DSTG ở Việt Nam vẫn còn là một hiện tượng mới gần đây. Theo truyền thống, các tác giả hoặc tập trung vào nghiên cứu bảo tồn văn hoá và giá trị lịch sử [11, 14] hoặc đánh giá tiềm năng và giá trị của du lịch tại các điểm DSTG [19]. Hiện nay có rất ít nghiên cứu tiếp cận hai khía cạnh này trong cùng một hệ quy chiếu [8], lại càng ít hơn khi đặt mối quan hệ này dưới lăng kính của khách du lịch và các nhà quản lý và chuyên gia [20]. Vì vậy, nhu cầu cấp thiết là phải tiến hành nghiên cứu thực nghiệm chi tiết hơn tại các DSTG ở Việt Nam để hiểu các chiến lược và thực tiễn quản trị và bảo vệ, cuối cùng đóng góp vào sự phát triển lý thuyết và thực tiễn của DSTG [21]. Nghiên cứu này được thực hiện tại Quần thể Di tích Cố đô Huế, một trong năm DSVH tại Việt Nam. Mục tiêu của nghiên cứu là chỉ ra thực trạng PTDL tại Huế, đồng thời chỉ ra mối quan hệ năng động và phức tạp giữa PTDL và QLDS dưới quan điểm khác nhau của du khách và các nhà quản lý. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các khuyến nghị góp phần vào sự phát triển bền vững tại các DSTG tại Huế và Việt Nam.

## 2 Phương pháp nghiên cứu

### 2.1 Phương pháp tiếp cận

Nghiên cứu này áp dụng lý thuyết về mối quan hệ giữa du lịch và QLDS văn hoá của McKercher và cs. với giả thuyết rằng mối quan hệ này rất năng động với những trạng thái khác nhau. Lý thuyết này kết luận giữa PTDL và QLDS không phải là mối quan hệ hoàn toàn hỗ trợ nhau mà cũng không hoàn toàn đối nghịch nhau. Theo đó, tồn tại bảy trạng thái trong mối quan hệ này bao gồm: phủ nhận, mong đợi phi thực tế, xung đột, đồng quản lý ép buộc, tồn tại song song, hợp tác và trái mục đích [17]. Sáu trạng thái đầu nằm trên một trục phát triển, từ điểm “xuất phát” cho tới “đích”. Trong khi đó, trạng thái trái mục đích nằm ngoài trục đó (Hình 1). Mối quan hệ này phụ thuộc vào mức độ, mục tiêu và mối quan tâm của từng điểm du lịch [16]. Mckercher đã lập luận rằng thời gian hình thành và vị trí địa lý có thể là những nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến mối quan hệ này [17].

Cho đến nay, những người ủng hộ quan điểm này của McKercher chưa nhiều, nhưng những nhận định của ông đã mở ra một hướng mới trong nghiên cứu về mối quan hệ giữa QLDS và PTDL. Thực tiễn quá trình PTDL và QLDS ở Quần thể Di tích Cố đô Huế đã khiến nhóm tác giả có sự đồng tình lớn về mặt học thuật với quan điểm nghiên cứu của McKercher. Nó ngụ ý rằng đây là mối quan hệ đa dạng, phức tạp và năng động chứ không phải là những quan điểm hoặc là thiên về xung đột hoặc hợp tác bởi vì Cố đô Huế có nhiều đặc điểm tương đồng với các nghiên cứu của Bob và đặc trưng về bề dày lịch sử, văn hoá và kiến trúc khác biệt. Để minh chứng cho điều này, một sự giải thích rõ ràng hơn về bảy trạng thái trong mối quan hệ giữa chúng được trình bày ở Bảng 1. Các trạng thái này đã được chỉnh sửa dựa trên khung lý thuyết của McKercher để phù hợp hơn với địa bàn nghiên cứu. Đây cũng là cách mà nhóm nghiên cứu đã giải thích cho những người được hỏi, nhất là với đối tượng du khách để họ dễ hiểu, từ đó dễ dàng lựa chọn phương án trả lời hơn.



Hình 1. Mô hình về mối quan hệ giữa PTDL và QLDS văn hóa

Nguồn: [17]



Giữa PTDL và QLDS có sự phối hợp, tương hỗ lẫn nhau nhưng ở mức thấp. “Hợp tác một phần” là trạng thái thứ sáu, nghiêng về điểm “hợp tác”. Nó giải thích kỹ hơn về sự tương tác và hỗ trợ lẫn nhau; du lịch phát triển sẽ gián tiếp hỗ trợ cho công tác bảo tồn di sản và ngược lại. Cuối cùng là mối quan hệ “hợp tác hoàn toàn”; đây được xem là đích đến của mọi chiến lược bền vững, nơi PTDL hỗ trợ và thúc đẩy QLDS và ngược lại; QLDS tốt mới thu hút khách tham quan và du lịch phát triển.

## 2.2 Thu thập số liệu

### Số liệu thứ cấp

Chúng tôi nghiên cứu và đánh giá hệ thống các văn bản pháp quy phạm Quốc tế, Việt Nam và tỉnh Thừa Thiên Huế bao gồm các công ước, luật, nghị định, quy định, văn bản hướng dẫn có liên quan đến vấn đề quản lý, bảo tồn, phát huy DSVH; quản lý và PTDL; mối quan hệ giữa QLDS và PTDL. Phương pháp này giúp làm rõ các yếu tố cơ bản của vấn đề QLDS và quản lý du lịch như quan điểm quản lý, hệ thống quản lý, phương thức quản lý của nhà nước đối với những lĩnh vực này; tính hiệu quả của hệ thống văn bản này trong thực tiễn. Đồng thời, nhóm tác giả xem xét các tài liệu học thuật là ấn phẩm được xuất bản và không được xuất bản như tạp chí khoa học, sách, và báo chí nhằm xem xét và đánh giá các lý thuyết, quan điểm có liên quan đến phạm vi và đối tượng nghiên cứu và các lập luận của các tác giả khác nhau ở mỗi trường hợp cụ thể.

### Số liệu sơ cấp

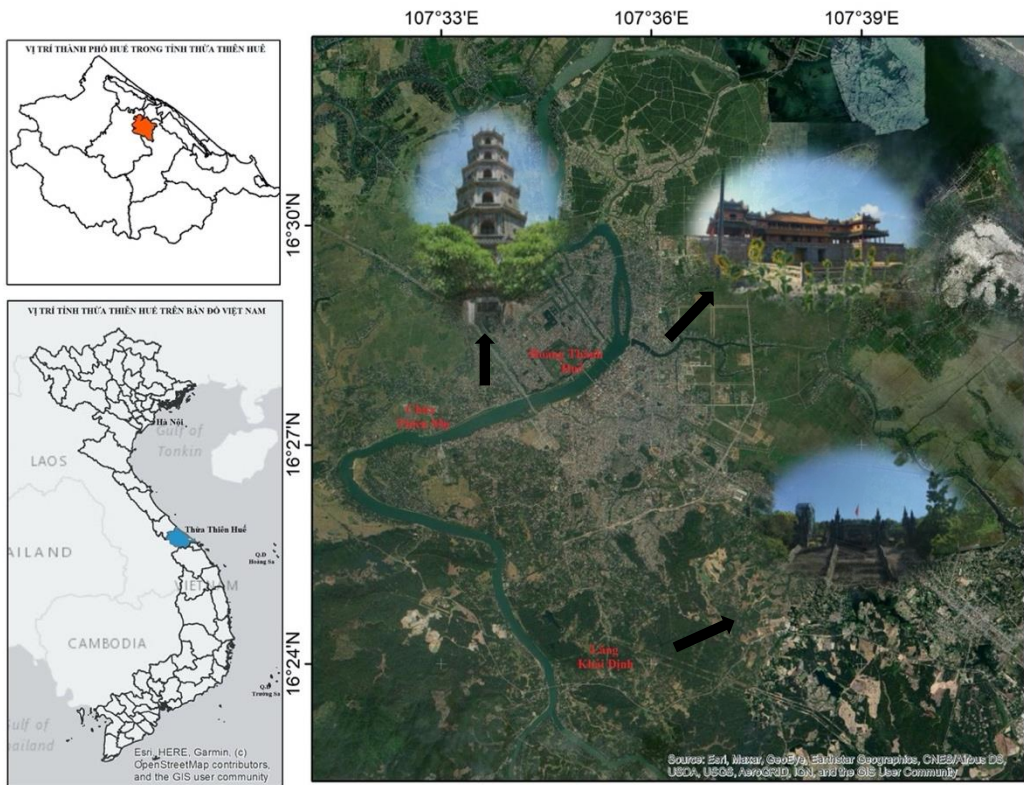
Một cuộc thảo luận nhóm với nhóm đối tượng là các bên liên quan đến quy hoạch đô thị, du lịch và quản lý di sản đã được thực hiện vào tháng 6 năm 2020. Tổng cộng, bốn cán bộ đại diện cho bốn cơ quan quản lý nhà nước tham gia tại buổi thảo luận với các thông tin liên quan đến cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị và công tác bảo tồn di sản tại các điểm du lịch trên địa bàn thành phố Huế. Các câu hỏi mở được sử dụng nhằm mục đích khai thác những thông tin sâu về các nội dung liên quan đến nghiên cứu. Các quan sát thực địa được thực hiện vào tháng 9 và 10 năm 2020 nhằm thu các thông tin đánh giá bước đầu về thực trạng phát triển của ngành du lịch (những biến đổi cơ sở hạ tầng, quy hoạch đô thị, v.v.) và công tác QLDS tại Huế (hình thức và thực trạng thể hiện di sản, tính chân xác trong hoạt động thể hiện di sản thông qua hoạt động thuyết minh và hướng dẫn du khách tại các điểm di sản, tính hiệu quả của công tác sử dụng di sản cho sự PTDL); sự kết nối, liên hệ giữa các bên có liên quan.

Khảo sát trực tuyến (online) được thực hiện vào đầu tháng 9 năm 2020 nhằm mục đích xem xét các chuyên gia và nhà quản lý đánh giá mối quan hệ giữa QLDS và PTDL theo bảy mức độ tiếp cận mà nghiên cứu đã đề cập ở trên. Do đại dịch Covid-19 nên các hoạt động du lịch và tụ tập đông người trong thời điểm này bị hạn chế. Vì vậy, nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát online các nhà quản lý, chuyên gia thay vì phỏng vấn trực tiếp. Mười bốn phiếu khảo sát online được thiết kế bằng công cụ Google form (biểu mẫu) đã được gửi qua mail tới các đối tượng là các

chuyên gia và nhà quản lý có liên quan. Cụ thể, năm đối tượng đại diện cho các cơ quan quản lý nhà nước bao gồm hai đại diện của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, một cán bộ thuộc Sở Du lịch, một cán bộ Sở Văn hoá – Thể thao và một chuyên viên Sở Xây dựng tỉnh Thừa Thiên Huế. Ba chuyên gia về lĩnh vực liên quan bao gồm một nhà quy hoạch, một nhà kiến trúc và một giảng viên du lịch trên địa bàn nghiên cứu. Sáu đối tượng còn lại là các nhà điều hành, quản lý và hướng dẫn viên của các công ty/doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau thời gian hạn chế do ảnh hưởng hưởng của Covid, vào tháng cuối tháng 9 và đầu tháng 10 năm 2020, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn trực tiếp (face-to-face) 90 du khách bằng bảng hỏi bán cấu trúc tại ba điểm du lịch thuộc quần thể Di tích Cố đô Huế bao gồm: Hoàng Thành Huế (còn được gọi là Đại nội Huế), Chùa Thiên Mụ và Lăng Khải Định (Hình 2). Tại mỗi địa điểm, chúng tôi tiến hành phỏng vấn ngẫu nhiên 30 khách du lịch dựa trên phương pháp lấy mẫu có chủ đích nhằm đảm bảo số lượng mẫu đủ “lớn” và có tính khả thi trong nghiên cứu khoa học. Hogg và Tanis xác định rằng cỡ mẫu dưới 25 hay dưới 30 được xem là “nhỏ”, và trên con số đó là “lớn” cho một nghiên cứu xã hội [29]. Heather cũng cho rằng phương pháp lấy mẫu có chủ đích là một cách để đạt được lượng dữ liệu vừa đủ, có thể quản lý được để phân tích sâu các mục tiêu nghiên cứu, vừa đảm bảo tính đại diện cho phạm vi địa lý rộng mà không cần lượng mẫu quá lớn [24]. Bảng phỏng vấn được thiết kế chủ yếu là các câu hỏi đóng và được chia thành ba phần chính, gồm các câu hỏi liên quan đến các thông tin chung về người được hỏi như họ tên, quê quán, giới tính; câu hỏi liên quan đến thông tin du lịch của du khách như thời gian du lịch, đi với ai, các địa điểm du lịch tại Huế; phỏng vấn du khách về sự hiểu biết của họ về điểm du lịch và quan điểm của họ đối với mối quan hệ giữa PTDL và QLDS.

Cuối cùng, kết quả của 67/90 phiếu được sử dụng cho mục đích xem xét mối quan hệ giữa PTDL và QLDS. Về bản chất, giả thuyết nghiên cứu đặt ra là du khách đến Huế nhiều lần (ít nhất hai lần) có thể bởi họ bị thu hút và quan tâm tới các giá trị di sản, văn hoá và lịch sử thay vì các giá trị “hiện hữu ngay trước mắt” của du lịch [28], từ đó những du khách này gián tiếp để ý tình tế đến công tác gìn giữ di sản, giá trị văn hoá trong hoạt động du lịch tại ba điểm nghiên cứu. Các yếu tố được xem xét có thể kể đến như di tích đẹp hơn, nhiều công trình được tu sửa, cải tạo, công tác thuyết minh hướng dẫn cải thiện so với trước, tính thẩm mỹ, tính xác thực của các giá trị văn hoá và lịch sử. Hơn nữa, đa số du khách là người có trình độ, thể hiện ở tỷ lệ du khách là sinh viên, cán bộ nhà nước, và doanh nhân cao (Bảng 2) nên họ có đủ kiến thức cơ bản để đưa ra luận điểm về câu hỏi nghiên cứu. Từ đó, nhóm nghiên cứu lập luận rằng những du khách như vậy có thể có những sáng kiến và đưa ra kết luận về mối quan hệ giữa PTDL và QLDS. Cũng lưu ý rằng, đây chỉ là những đánh giá mang tính chủ quan của người được phỏng vấn. Bài viết không phân tích liệu đó đúng hay sai, mà chỉ để trả lời cho câu hỏi liệu mối quan hệ này có sự khác nhau hay không dưới lăng kính của du khách quan tâm đến giá trị di sản với quan điểm các nhà QLDS tại các điểm du lịch di sản tại Huế.



Hình 2. Vị trí khảo sát: Hoàng Thành Huế, Chùa Thiên Mụ và Lăng Khải Định

### 3 Kết quả và thảo luận

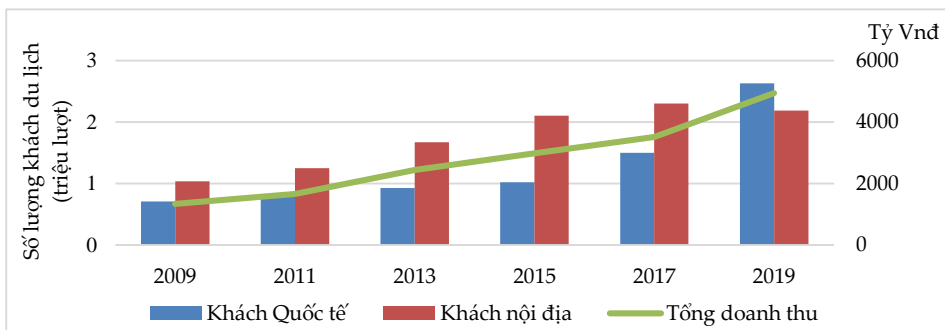
#### 3.1 Thực trạng phát triển du lịch tại Huế

Nằm ở miền Trung với diện tích hơn 5.000 km<sup>2</sup> và đường bờ biển dài 120 km, Thừa Thiên Huế (TTH) là một trong những trung tâm văn hóa và du lịch của Việt Nam. Du lịch được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, dựa trên đóng góp đáng kể vào GDP trong những năm gần đây. Doanh thu từ du lịch đóng góp khoảng 12% GDP của tỉnh vào năm 2015 và dự kiến sẽ đóng góp khoảng 13% vào năm 2020 và 17% vào năm 2030 [27]. Huế, thủ phủ của tỉnh TTH, là một trong những trung tâm du lịch thú vị nhất của cả nước. Thành phố có lịch sử lâu đời từ khi thành lập Thuận Hóa (1306) đến lập Phú Xuân (1687), tiếp nối đến triều đại phong kiến cuối cùng của Việt Nam (1945) [26]. Huế đã bảo tồn thành công các DSVH có giá trị mà theo tín ngưỡng của người dân địa phương là biểu tượng của trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam. Huế nổi tiếng với danh lam thắng cảnh và các nền văn hóa cổ xưa. Quần thể Di tích Cố đô Huế nổi tiếng là kiệt tác kiến trúc đô thị cổ ở Đông Nam Á và đã được UNESCO đưa vào danh sách DSTG năm 1993 [2]. Ngoài ra, các ngôi nhà cổ hay nhà vườn của Cung đình Huế cũng được nhiều người biết đến do kiến



trúc độc đáo. Mối liên hệ chặt chẽ giữa Nho giáo và Phật giáo cũng đã khiến thành phố xây dựng hàng trăm ngôi chùa Phật giáo, đền thờ và tổ chức nhiều lễ hội truyền thống khác nhau. Do đó, du lịch tại địa phương này đã có sự phát triển mạnh trong những năm gần đây. Số liệu thống kê chính thức về du lịch cho thấy số lượng du khách đã tăng từ một trăm nghìn vào năm 1990 lên gần một triệu rưỡi vào năm 2009 [26]. Doanh thu từ 11 tỷ đồng năm 1990 đã lên đến 1400 tỷ đồng (khoảng 67 triệu đô la Mỹ) vào năm 2009. Gần đây nhất, từ năm 2009 đến 2019, du lịch tăng trưởng 19% mỗi năm, trong đó du lịch quốc tế tăng gần 11% mỗi năm (Hình 3). Vào năm 2019, toàn tỉnh đón 4,8 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế 2,1 triệu lượt và tổng doanh thu từ du lịch đạt gần 5.000 tỷ đồng [9]. Tuy nhiên, trái ngược với tốc độ tăng trưởng ổn định, thời gian lưu trú của khách du lịch vẫn còn tương đối ngắn, bình quân khoảng hai ngày.

Ngày nay, Huế được nhiều du khách trong nước cũng như quốc tế biết đến với các di sản văn hóa. Số lượng khách đến các điểm di sản thường được tính bằng số lượng vé bán ra ở sáu điểm di sản thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Các địa điểm này là Đại Nội, Lăng Tự Đức, Lăng Khải Định, Lăng Minh Mạng, Bảo tàng Cổ vật Cung đình và Điện Hòn Chén. Trong năm 2018, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế đón hơn 3,5 triệu lượt khách đến tham quan và doanh thu từ vé tham quan từ các điểm du lịch này đạt 381,7 tỷ đồng [26]. Ngoài sáu địa điểm bán vé, các địa điểm tham quan ngoài cửa (miễn vé) nổi tiếng và được nhiều người tham quan nhất là Kim Long – nhà vườn Phú Mộng, chùa Thiên Mụ, cầu ngói Thanh Toàn, các làng nghề thủ công như Làng gốm cổ Phước Tích và phường nghề đúc đồng [26]. Trong nỗ lực phát triển du lịch đặc biệt chú trọng đến di sản, thành phố Huế nằm trong Con đường Di sản Thế giới, kéo dài qua miền Trung Việt Nam và cũng là tên của một dự án phát triển và quảng bá khu vực. Sáng kiến chung này của ba tỉnh miền Trung Việt Nam là TTH, Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam và Tổng cục Du lịch nhằm tăng cường quảng bá và phát triển du lịch di sản ở Huế và toàn khu vực. Ngoài ra, Festival Huế và Festival Nghề thủ công truyền thống được tổ chức hai năm một lần với mục đích quảng bá văn hóa, nghệ thuật và du lịch. Đây được coi là cơ hội để quảng bá Huế cũng như các di sản văn hóa trong nước và quốc tế [27].



**Hình 3.** Số liệu thống kê về du lịch tại Huế giai đoạn 2009–2019

Nguồn: [9]

### 3.2 Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hoá tại Huế

#### Đặc điểm cơ bản của khách du lịch được phỏng vấn

Như đề cập ở trên, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn 90 du khách tại ba điểm du lịch thuộc Quần thể Di tích Cố đô Huế là Đại Nội Huế, Chùa Thiên Mụ và Lăng Khải Định. Một số đặc điểm của nhóm người được khảo sát được thống kê ở Bảng 2. Kết quả cho thấy tỷ lệ nam/nữ là tương đối cân bằng. Tỷ lệ du khách trong tỉnh là 27,78%. Đa số du khách là người ngoại tỉnh nhưng chủ yếu là đến từ các khu vực gần với tỉnh TTH như Đà Nẵng, Quảng Trị và Quảng Bình. Một phần lý do được giải thích là do thời gian khảo sát là thời điểm hạn chế tụ tập đông người do đại dịch Covid-19. Khách du lịch được khảo sát là đa dạng về ngành nghề, trong đó 25,56% làm kinh doanh buôn bán; 27,78% là sinh viên; còn lại là nhân viên văn phòng, cán bộ nhà nước và làm công việc khác.

Bảng 2. Đặc điểm cơ bản của du khách

Đặc điểm	Đơn vị tính	Kết quả
<b>1. Tổng số du khách điều tra</b>	Người	90
Nam	%	48,88
Nữ	%	51,12
<b>2. Tỷ lệ du khách trong tỉnh</b>	%	27,78
<b>3. Công việc chính</b>		
Kinh doanh		25,56
Sinh viên	%	27,78
Nhân viên văn phòng		17,78
Cán bộ nhà nước		15,56
Khác		13,33
<b>4. Số ngày lưu trú tại Huế</b>	Ngày	2,72
<b>5. Đi du lịch với ai</b>		
Theo đoàn (công ty, cơ quan...)		20,00
Gia đình (bạn bè, người thân...)	%	60,00
Một mình		17,78
Tour ghép		2,22
<b>6. Lần thứ mấy đi du lịch tại Huế</b>		
Lần đầu tiên	%	25,56
>= 2		74,44
<b>7. Số điểm du lịch tại Huế</b>		
1	%	13,33
2-4		73,33
> 4		13,34
<b>8. Tỷ lệ thuê hướng dẫn viên du lịch</b>	%	11,11

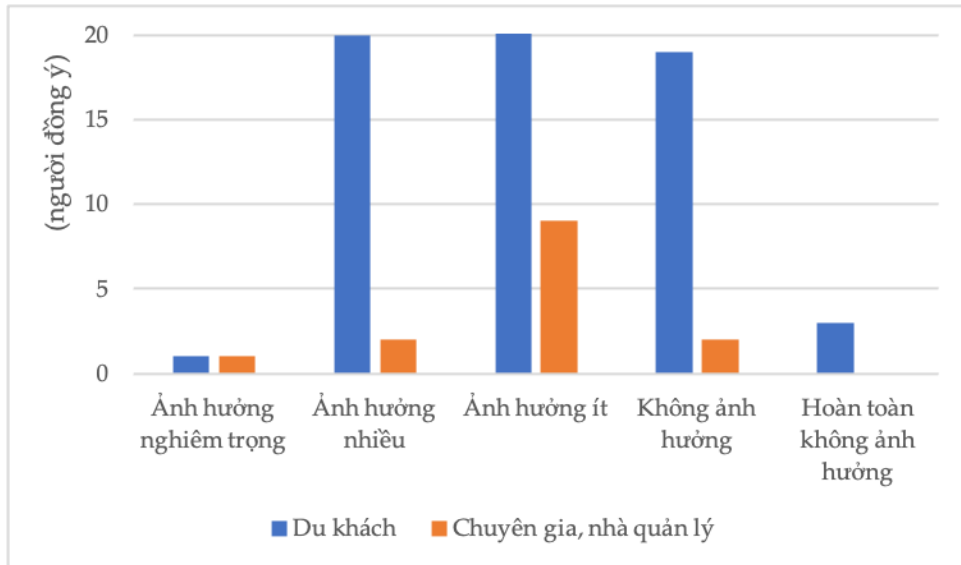
Nguồn: Phỏng vấn bán cấu trúc, 2020

Nhóm khảo sát cũng hỏi du khách về các thông tin cơ bản liên quan đến du lịch. Kết quả cho thấy thời gian lưu trú bình quân tại Huế là gần ba ngày. Tuy nhiên, 73,33% số du khách lựa chọn chỉ 2-4 điểm tại Huế để khám phá. Các địa điểm được đề cập nhiều nhất là Đại Nội Huế, Chùa Thiên Mụ, Cầu Gỗ Lim và Cầu Tràng Tiền. Hầu hết du khách tự đi du lịch với gia đình hoặc bạn bè (60%). Tỷ lệ du khách đến Huế nhiều hơn hai lần là rất cao (74,44%). Tuy nhiên, đa số du khách (78,89%) không thuê hướng dẫn viên du lịch hoặc người địa phương. Một số du khách cho biết mục đích của họ là chỉ muốn tham quan và chụp ảnh chứ không muốn tìm hiểu sâu về lịch sử hay kiến trúc; hơn nữa, chi phí cao cũng là một nguyên nhân được du khách đề cập.

### **Mối quan hệ giữa phát triển du lịch và quản lý di sản văn hoá tại Huế**

#### *– Quan điểm về tác động tiêu cực của PTDL tới QLDS tại các điểm nghiên cứu*

Nhóm nghiên cứu đã đưa ra năm mức độ tác động tiêu cực của du lịch tới công tác bảo tồn tại các điểm du lịch di sản tại Huế bao gồm: (1) ảnh hưởng nghiêm trọng, (2) ảnh hưởng nhiều, (3) ảnh hưởng ít, (4) không ảnh hưởng và (5) hoàn toàn không ảnh hưởng. Kết quả tổng hợp từ 67 du khách (có quan tâm tới giá trị di sản/lịch sử) và 14 nhà quản lý, chuyên gia QLDS được mô tả ở Hình 4. Có hai phát hiện đáng chú ý từ khảo sát bao gồm: thứ nhất, hầu hết du khách quan tâm đến di sản/lịch sử đánh giá việc PTDL có ảnh hưởng tiêu cực đến công tác QLDS với 40/67 người đồng ý là “ảnh hưởng nhiều” và có ảnh hưởng (“ảnh hưởng ít”). 20/67 du khách đánh giá là “không có ảnh hưởng” tiêu cực tới QLDS; tỷ lệ ít còn lại được chia cho nhóm “ảnh hưởng nghiêm trọng” hoặc “hoàn toàn không ảnh hưởng”. Thứ hai, theo quan điểm của chuyên gia, 64,28% số ý kiến đồng ý rằng du lịch có “ảnh hưởng ít” tiêu cực đến công tác bảo tồn và QLDS tại Huế. Số ý kiến còn lại chia đều cho ba nhóm “không ảnh hưởng”, “ảnh hưởng nhiều” và “ảnh hưởng nghiêm trọng”. Không ai đồng ý với mức “hoàn toàn không ảnh hưởng”. Kết quả này ngụ ý rằng cả du khách và các nhà quản lý có quan điểm tương đối giống nhau khi đề cập có sự tác động xấu khi PTDL đến QLDS nhưng ở mức không quá nghiêm trọng. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng đây là số liệu mang ý nghĩa chủ quan, suy đoán, và cảm tính của người được phỏng vấn. Để phân tích sâu hơn, ở mức định lượng nào, ảnh hưởng bao nhiêu cần nhiều bộ công cụ và chỉ số đánh giá hơn. Đồng thời, số lượng mẫu và phương pháp chọn đối tượng cũng là một yêu cầu khác, vượt khỏi giá trị cốt lõi mà nghiên cứu xác định ban đầu.



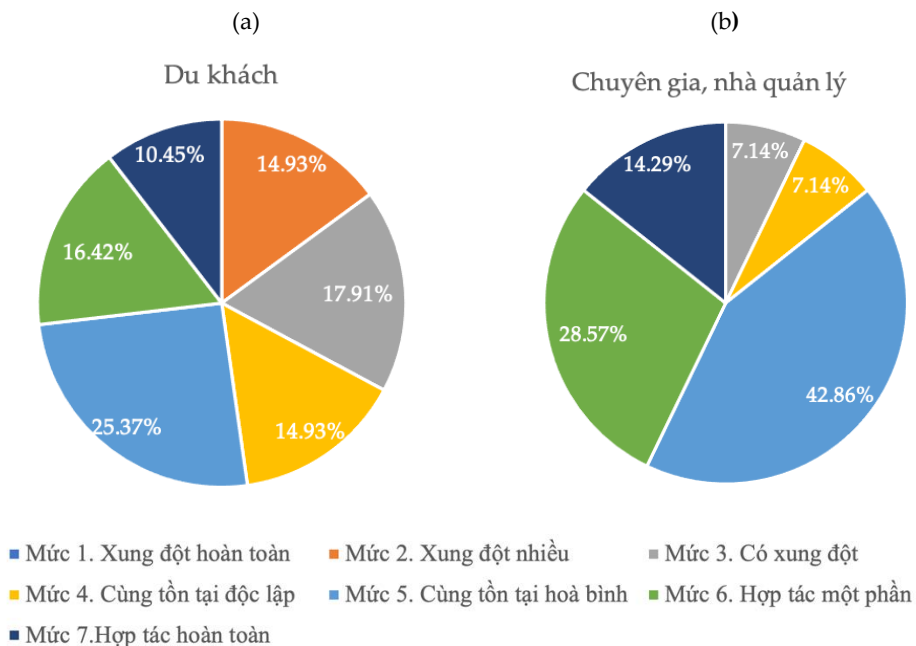
**Hình 4.** Quan điểm về mức độ tác động tiêu cực của du lịch tới QLDS tại các điểm nghiên cứu

– Quan điểm về các trạng thái trong mối quan hệ giữa PTDL và QLDS của các bên liên quan

Kết quả nổi bật nhất từ phân tích dữ liệu của 67 du khách có mối quan tâm về giá trị di sản văn hoá và 14 cán bộ quản lý và chuyên gia bao gồm: thứ nhất, kết quả nghiên cứu mối quan hệ giữa QLDS và PTDL ở ba địa điểm tại Huế cho thấy tồn tại sáu trạng thái khác nhau bao gồm: xung đột nhiều, khó tiếp xúc, cùng tồn tại độc lập, cùng tồn tại hoà bình, hợp tác một phần và hợp tác hoàn toàn. Mối quan hệ này được một cán bộ QLDS nhận định rằng: “Nói về đối nghịch nhau thì cũng không đúng, nói về hợp tác hoàn toàn với nhau thì vẫn còn thế này thế kia vì rõ ràng giữa chúng có ràng buộc, nhưng một bên là ưu tiên phát triển kinh tế, một bên là ưu tiên bảo tồn di sản, tất nhiên sẽ có cái mâu thuẫn và rất khó xác định rõ ràng”. Mối quan hệ “xung đột hoàn toàn” không được những người được phỏng vấn đề cập.

Thứ hai, có sự tương đồng một phần về quan điểm của hai đối tượng được phỏng vấn. Du khách nhận định có sáu mức trong mối quan hệ này, nhưng họ nghiêng về trạng thái là “cùng tồn tại hoà bình” (25,37%) (Hình 5a). Bình quân từ 10 đến 12 khách du lịch đánh giá đều cho bốn trạng thái “xung đột nhiều”, “có xung đột”, “cùng tồn tại độc lập”, và “hợp tác một phần”. 10,45% còn lại cho rằng đây là mối quan hệ “xung đột hoàn toàn”. Kết quả này ngụ ý rằng du khách có xu hướng đánh giá mối quan hệ giữa PTDL và QLDS là có thể phối hợp với nhau, có thể cùng tồn tại trong cùng bối cảnh và hỗ trợ nhau cùng phát triển, cái này bổ trợ và thúc đẩy cái kia và ngược lại.

Mặc dù các nhà quản lý và chuyên gia cho rằng giữa PTDL và QLDS tồn tại chỉ năm trạng thái, nhưng họ đồng quan điểm với du khách khi trạng thái “cùng tồn tại hoà bình” là lựa chọn nhiều nhất (42,86%), tiếp theo là “hợp tác một phần” (28,57%) (Hình 5b). Mặc dù có sự tương đồng một phần về quan điểm, nhưng điều đáng nói ở đây là trong khi các nhà quản lý và chuyên gia dường như có xu hướng chung là đánh giá rất cao việc hợp tác giữa du lịch và bảo tồn khi họ cho rằng QLDS và PTDL đang nỗ lực tìm kiếm phương thức mới để hòa hợp hai lĩnh vực tại các điểm tham quan di sản và bước đầu có những tín hiệu tích cực. Ngược lại, khách du lịch đầu đó vẫn còn hoài nghi về sự cộng tác này. Họ cho rằng hai hoạt động này vẫn còn mâu thuẫn với nhau và chưa hoà hợp, thể hiện rõ ở các kết quả được chia đều cho mỗi trạng thái như phân tích ở trên. Rõ ràng, để hướng tới phát triển bền vững cần sự góp ý và ngồi lại của tất cả các bên có liên quan từ nhà quản lý, chuyên gia, cộng đồng địa phương, nhà khoa học và du khách. Những thống nhất về quan điểm để cùng đưa ra các giải pháp là cực kỳ quan trọng. Hiểu biết sâu sắc và toàn diện hơn về mối quan hệ hữu cơ, phức tạp và năng động giữa hai lĩnh vực này ở trường hợp tại Huế, soi chiếu qua những trường hợp điểm DSVH khác ở Việt Nam, sẽ là nguồn tài liệu tham khảo thực tiễn cung cấp cho các bên liên quan, đặc biệt là các nhà hoạch định chính sách.



**Hình 5.** Quan điểm của du khách (a) và các chuyên gia, nhà quản lý (b) về mối quan hệ giữa PTDL và QLDS tại các điểm du lịch di sản ở Huế

### 3.3 Định hướng các giải pháp chính sách để phát triển du lịch bền vững tại các điểm di sản văn hoá tại Huế

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng tồn tại các trạng thái khác nhau trong mối quan hệ giữa PTDL và QLDS tại các điểm du lịch di sản ở Huế. Đồng thời xuất hiện nhiều quan điểm khác nhau giữa những người quản lý trực tiếp hoặc sở hữu di tích, các chuyên gia với khách du lịch. Các quan điểm của họ bộc lộ qua các tình huống mang tính cục bộ (chỉ ba điểm nghiên cứu) và tạm thời. Do đó, để hướng tới sự phát triển bền vững cho cả du lịch và bảo tồn di sản, nhóm nghiên cứu đưa ra một số đề xuất mang tính hoàn thiện chính sách, cụ thể:

Thứ nhất, nên có sự kết hợp nhiều “nhà” để hoàn thiện khung chính sách hướng đến PTDL bền vững tại các điểm di sản văn hóa, bao gồm các nhà quản lý (nhà nước), nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, “nhà” dân (cộng đồng địa phương) và du khách. Theo ông Võ Lê Nhật, Giám đốc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế, sau khi hoàn thành quy hoạch các điểm đến DSVH (trong năm 2020), các đơn vị quản lý nhà nước nên tổ chức lấy ý kiến từ các chuyên gia, nhà khoa học cố vấn đầu ngành để xây dựng sản phẩm phù hợp. Một yếu tố nữa là ngoài những dịch vụ đã có, sẽ kết hợp với doanh nghiệp khai thác để hướng đến quy mô, bài bản. Ví dụ, tại khu vực Hoàng Thành, lực lượng bảo vệ mặc trang phục cung đình; những người phục vụ mặc trang phục quan lại. Điều đó trở thành điểm nhấn thú vị, là nhân vật để du khách chụp ảnh. Những thay đổi dù nhỏ như thế ở di sản Huế nhưng cần thiết và có thể làm ngay để tạo điểm nhấn mới. Cuối cùng, sự tham gia của người dân địa phương và vai trò của du khách, đặc biệt là đối tượng khách có sự quan tâm và hiểu biết về di sản văn hoá là không thể không nhắc tới nhằm đảm bảo PTDL bền vững tại các điểm DSVH. Sử dụng quá trình được ghi nhận DSVH như là một công cụ để đánh giá cao về DSVH của địa phương nhằm tăng cường sự kết nối với cộng đồng [7]. Cho phép người dân địa phương thiết lập các chương trình nghị sự riêng để họ có sự trao đổi về văn hóa xã hội và họ sẵn sàng tiếp nhận một lượng lớn du khách đến tham quan [11].

Thứ hai, kết quả nghiên cứu chỉ rõ PTDL sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến công tác bảo tồn di sản dù ít hay nhiều. Do đó, một trong những khuyến nghị của nhóm nghiên cứu là nên ứng dụng khoa học kỹ thuật và giải pháp hiện đại trong QLDS. Một số mô hình được nhiều học giả đề cập như là phát triển nông nghiệp đô thị hay phát triển du lịch thông minh và bền vững. Điều này là hoàn toàn phù hợp và cũng đang được UBND tỉnh TTH quan tâm và thực hiện. Đề án phát triển du lịch của Tỉnh đến năm 2030 đề cập: “Phát triển du lịch TTH nhanh, bền vững, đảm bảo chất lượng và khả năng cạnh tranh, gắn chặt với việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là giá trị của quần thể di tích Cố đô Huế và Nhã nhạc cung đình Huế, giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường, tạo bước đột phá với những mô hình phát triển mới, mang tính khác biệt với một tầm nhìn tổng hòa trong mối liên kết vùng, quốc gia và quốc tế” [9]. Dù đã có khá nhiều dịch vụ mới, nhưng các dịch vụ tại Huế chủ yếu mang tính công nghệ, chưa thể xem đó là thông minh. Các ứng dụng đang ở dạng “tự thân vận động”, nhỏ lẻ, thiếu một hệ thống thông minh kết nối

được cơ quan quản lý, doanh nghiệp, du khách và cộng đồng người dân để có thể tạo thành chuỗi sản phẩm, cung ứng liên hoàn. Do đó, Thừa Thiên Huế nên có nguồn lực để đầu tư hạ tầng, yếu tố tiên quyết cho nền tảng phát triển du lịch thông minh gồm máy chủ, máy trạm, đường truyền tốc độ cao, phủ sóng wifi, hệ thống dữ liệu được số hóa bằng công nghệ. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực có thể sáng tạo, liên kết và tương tác với công nghệ, tăng cường hợp tác công tư, “môi trường mở” với những quyền lợi rõ ràng khi xã hội hóa, v.v. Một số giải pháp có thể ứng dụng ngay là xây dựng cơ sở dữ liệu số về các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của Huế, xây dựng phần mềm dành cho người dùng như cổng thông tin điện tử về du lịch và ‘ứng dụng’ du lịch; lập bản đồ 3D về di sản văn hoá Huế vừa phục vụ cho người dùng vừa phục vụ công tác quảng bá du lịch; xây dựng các phần mềm quản lý và cơ sở hạ tầng thiết bị, trung tâm điều hành du lịch, đặc biệt là hệ thống giao thông thông minh như xe điện, hệ thống xe đạp thông minh, hệ thống đỗ xe thông minh.

Cuối cùng, một giải pháp phát triển bền vững để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa con người và di sản là hiểu rõ và đảm bảo quyền lợi của từng bên. Các di sản thu hút khách du lịch, từ đó du lịch phát triển và ngược lại con người sử dụng chi phí từ du lịch để phục vụ công tác bảo tồn di sản. Có thể nói, PTDL và QLDS là hai việc song song, hỗ trợ và có mối quan hệ hữu cơ mật thiết với nhau. Điều quan trọng là làm sao để tạo ra một ‘chất xúc tác’ đủ mạnh để tạo ra phản ứng tích cực từ hai lĩnh vực này. Theo ông Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam, di sản là tài nguyên du lịch không thể thay thế, cho nên giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa bảo tồn di sản và PTDL theo hướng bền vững đòi hỏi phải tuân thủ nguyên tắc cái mới, cái xây dựng sau nhất thiết phải tôn trọng di sản gốc [14]. Để khai thác được du lịch, chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng cần tìm nguồn vốn, đặc biệt là nguồn vốn từ xã hội để trùng tu, sửa chữa, tôn tạo các di sản, các di tích lịch sử – văn hóa, từ đó phục vụ cho PTDL. Điều đáng chú ý nhất là du lịch nên được phát triển ở mức độ chấp nhận được, đảm bảo về số lượng du khách, và phải dựa trên thế mạnh của địa phương mình, chính là các di sản [8].

#### 4 Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy sự tương đồng với quan điểm nghiên cứu của McKercher và cs. về mối quan hệ năng động giữa PTDL và QLDS văn hóa trong bối cảnh của một điểm đến du lịch di sản đô thị dưới cái nhìn của khách du lịch và các nhà quản lý di sản tại đô thị Huế. Kết quả nghiên cứu thu được từ các cuộc phỏng vấn sâu, quan sát thực địa, nghiên cứu và phân tích tư liệu thứ cấp đã làm rõ thực tế rằng tồn tại một mối quan hệ năng động (không chỉ là xung đột hoặc hợp tác) với sáu trạng thái khác nhau giữa QLDS và PTDL. Về mặt thực tiễn, đây sẽ là cơ sở gợi ý cho việc xây dựng một mô hình quản lý phù hợp hơn và hiệu quả hơn, giảm thiểu tối đa các khả năng có thể ngăn cản sự hợp tác giữa hai lĩnh vực này. Mặt khác, đây là hướng tiếp cận khá mới và sẽ là gợi ý cho các nhà nghiên cứu xem xét áp dụng quan điểm này ở các điểm di sản

khác ở Việt Nam. Để phản ánh rõ hơn nhận định của khách du lịch về mối quan hệ giữa PTDL và QLDS, các nghiên cứu tiếp theo cần bổ sung số lượng mẫu khảo sát về đối tượng du khách, đặc biệt là tập trung vào khách tham quan vì mục đích quan tâm tới các giá trị di sản văn hoá.

### Thông tin về tài trợ

Nghiên cứu được tiến hành với sự tài trợ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Việt Nam) trong đề tài mã số B2020-DHH-10.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyen, T. H. H. and Cheung, C. (2014), The classification of heritage tourists: A case of Hue City, Vietnam, *J. Herit. Tour.*, 9(1), 35–50.
2. UNESCO (2020), World Heritage List. Truy cập ngày 15 tháng 8 năm 2020 từ <http://whc.unesco.org/en/list/&order=country#alphaV>.
3. Zhu, H., Zhang, J., Yu, X. and Hu, S. (2019), Sustainable tourism development strategies and practices of world heritage sites in China: A case study of Mt. Huangshan, *Int. J. Sustain. Dev. Plan.*, 14(4), 297–306.
4. Hampton, M. (2005), Heritage, local communities and economic development, *Ann. Tour. Res.*, 32(3), 735–759.
5. Sandholz, S. (2017), Chapter 3: Urban Centres in Asia and Latin America, in *Urban Centres in Asia and Latin America: The Urban Book Series*, 53–101.
6. McKercher, B., Ho, P. S. Y. and du Cros, H. (2005), Relationship between tourism and cultural heritage management: Evidence from Hong Kong, *Tourism Management*, 26(4), 539–548.
7. Nguyễn Phúc Lưu (2020), Giải pháp phát triển du lịch di sản văn hóa. *Tạp chí Quản lý Nhà Nước*. Truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020 từ <https://www.quanlynhanuoc.vn/2020/06/18/giai-phap-phat-trien-du-lich-di-san-van-hoa/>.
8. Hoàng Văn (2019), Phát triển du lịch gắn với bảo tồn di sản: Đây là giải pháp? *Tạp chí Kinh tế Nông thôn*. Truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020 từ <https://kinhtenongthon.vn/phat-trien-du-lich-gan-voi-bao-ton-di-san-dau-la-giai-phap-post31628.html>.
9. Tổng Cục Du lịch (2020), *Số liệu thống kê*, Truy cập ngày 01 tháng 8 năm 2020 từ <http://vietnamtourism.gov.vn>.
10. Đắc Linh (2018), *Phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn, phát huy giá trị di sản*, Báo Nhân dân. Truy cập ngày 28 tháng 7 năm 2020 từ <https://nhandan.com.vn/du-lich/phat-trien-du-lich-ben-vung-gan-voi-bao-ton-phat-huy-gia-tri-di-san-322835/>.
11. Arthur Pedersen (2002), *Quản lý du lịch tại các khu di sản Thế giới. Tài liệu hướng dẫn thực tiễn*



cho các nhà quản lý khu Di sản thế giới, Trung tâm Di sản Thế giới của UNESCO xuất bản.

12. ICOMOS (1999), *Công ước Quốc tế về Du lịch Văn hoá, Việc quản lý du lịch ở những nơi có di sản quan trọng*, Đại Hội đồng lần thứ 12 ở Mexico, tháng 10.
13. Minh Huyền (2020), *Số lượng khách du lịch tham quan 8 di sản thế giới tại Việt Nam tăng mạnh*. Truy cập ngày 29 tháng 7 năm 2020 từ <http://toquoc.vn/so-luong-khach-du-lich-tham-quan-8-di-san-the-gioi-tai-viet-nam-tang-manh-20200108153853234.htm>.
14. Bùi Hoài Sơn (2005), *Các quan điểm lý thuyết về quản lý di sản, trong Hội thảo Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu chương trình KX.09*, Hà Nội.
15. Garrod, B. & Fyall, A. (2000), *Managing Heritage Tourism*. *Annals of Tourism Research*, 27(3), 682–708.
16. McKercher, B., Ho, P. & du Cros, H. (2002), The relationship between tourism and cultural heritage. In K. Chon, V. Heung & K. Wong (Eds.), *Tourism in Asia: Development, marketing and sustainability*, 386–394. Hong Kong: The Hong Kong Polytechnic University, SAR.
17. McKercher, B., Ho, P. S. & du Cros, H. (2005), Relationship between Tourism and Cultural Heritage Management: Evidence from Hong Kong, *Tourism Management*, 26(4), 539–548.
18. Nuryanti, W. (1996), Heritage and Postmodern Tourism, *Annals of Tourism Research*, 23(2), 249–260.
19. Pham Hong Long (2012), Tourism Impacts and Support for Tourism Development in Ha Long Bay, Vietnam: An Examination of Resident's Perceptions, *Asian Social Science*, 8(8), 28–39.
20. Poria, Y., Butler, R. & Airey, D. (2001), Clarifying Heritage Tourism, *Annals of Tourism Research*, 28(4), 1047–1049.
21. Tao, T. C. & Wall, G. (2009), Tourism as a sustainable livelihood strategy, *Tourism Management*, 30, 90–98.
22. Tyrrell, T. J. & Johnston, R. J. (2006), The Economics Impacts of Tourism: A Special Issue, *Journal of Travel Research*, 45, 3–7.
23. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Quản lý di sản văn hoá và phát triển du lịch ở đô thị và phi An, tỉnh Quảng Nam*, Luận án Tiến sỹ ngành Văn hóa học, Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam.
24. HeatherAmes, ClaireGlenton, and SimonLewin (2019), Purposive sampling in a qualitative evidence synthesis: a worked example from a synthesis on parental perceptions of vaccination communication, *BMC Medical Research Methodology*: 19–26. doi.org/10.1186/s12874-019-0665-4.
25. Lê Hoàng Ninh và Lê Nữ Thanh Uyên (2020), *Bài giảng kỹ thuật chọn mẫu*, Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Sở Du lịch tỉnh Thừa Thiên Huế (2020), *Tình hình hoạt động kinh doanh du lịch*. Truy cập ngày 27 tháng 7 năm 2020 từ <https://sdl.thuathienhue.gov.vn>.
27. USAID (2018), Báo cáo khởi động Dự án Trường Sơn Xanh.
28. MacCannell D. (1999), *The tourist: a new theory of the leisure class*, University of California Press, Berkeley.
29. Hogg R., Tanis E. & Dale Z. (2015), *Probability and Statistical Inference*, 9th edition, Pearson Education Publisher.